



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyễn Hùng Trần
Last Middle First

Current Address: 6M Tô Hiến Thành Q.10 TP.HCM -

Date of Birth: 04/20/24 Place of Birth: Quảng Ngãi -

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/24/75 To 12/18/80
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Trần Chung
Name
San Jose, CA
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH
CHO HỘI GIỮ

Hồ sơ bổ túc của
Major Ng. Hữu Tuấn
02-20-1924

NAME (TÊN) : NGUYEN HUU TUAN
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 02 20 1924
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (Có lập gia đình) :
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 6M TO HIEN THANH, QUAN LO
(Địa chỉ tại VN) : TP HO CHI MINH, VIET NAM

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) X No (Không)
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 14-5-1975 To (Đến) : 18-12-1980

PLACE OF RE-EDUCATION: TRẠI TỰ SỞ 5 TỈNH THANH HOÁ
CAMP (TRẠI TỰ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : THIẾU TÁ CẢNH SÁT (deputy commander to the headquarter of the national police) Tỉnh CHAU-ĐỨC

EDUCATION IN U.S. : Tu nghiệp tại Học viện International police Academy
(DU HỌC TẠI MỸ) from 1-5-1968 - 30-8-1968

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : MAJOR

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : Date (Năm) :
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P: Yes (Có) : IV Number (số hồ sơ) : No (Không)

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo) : 06

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN: 6M TO HIEN THANH, QUAN LO, TP HO CHI MINH, VN
(Địa chỉ liên lạc tại VN)

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : CHUONG TRAN
(Tên, Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo Trờ) : SANJOSE-CA

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : YES No (Không) :

RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN) : Nephew

NAME AND SIGNATURE : CHUONG TRAN Chuong Tran
ADDRESS OF INFORMANT (Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, ĐT của người điền đơn này) : SANJOSE CA

DATE : 6/01/1986

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN HUU TUAN
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
PHAM THI MIEN	01/1926	WIFE
NGUYEN THI NGOC MY	06/10/1956	daughter
NGUYEN THI NGOC VAN	02/22/1960	daughter
NGUYEN HUU TIEN	01/22/1958	Son
NGUYEN HUU THANH	02/26/1961	Son
PHAM NGUYEN LUYNH MAI	08/11/1980	Niece

ADDITIONAL INFORMATION:



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-8625

Telex: 710 822 1184 ATTN: MRS

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYEN HUU TUAN
Last Middle First

Current Address 6M TO HIENTHANH, QUANG TRUNG TP HO CHI MINH.

Date of Birth 02-20-1924 Place of Birth QUANG NGAI

Names of Accompanying Relatives/Dependents

PHAM THI MIEN
NGUYEN THI NGOC MY
NGUYEN HUU TIEN

NGUYEN THI NGOC VAN
NGUYEN HUU THANH
PHAM NGUYEN QUYNH MAI

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 14-05-1975 To 18-02-1980

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

NAME	RELATIONSHIP
<u>CHUONG TRAN</u>	<u>nephew.</u>

NAME	RELATIONSHIP

Form Completed By:

CHUONG TRAN
Name

SANJOSE-CA
Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

PAGE 2

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): _____
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.

ADDITIONAL INFORMATION:



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1512 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-6625

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYỄN HUU TUAN
Last Middle First

Current Address 6M TÔ HIÊN THANH, Q.10, HCM-VN

Date of Birth 02-20-1924 Place of Birth Quảng Ngãi, VN

Names of Accompanying Relatives/Dependents

Phạm Thị Miên (wife 1925) Nguyễn Hữu Tiến (son 1958)
Nguyễn Hữu Thân (son 1956) Nguyễn Thị Ngọc Vân (daughter 1959)
Nguyễn Thị Ngọc Mỹ (daughter 1957) Nguyễn Hữu Thành (son 1960)
over →

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 05/24/75 To 12/18/80

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

(Major)

NAME	RELATIONSHIP	NAME	RELATIONSHIP
<u>Trần Chỉnh</u>	<u>uncle</u>		
<u>San Jose, CA.</u>			

Form Completed By:

Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): _____
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
Nguyen Thi Do	1932	Sister
Pham Nguyen Chinh Mai	1980	Granddaughter

ADDITIONAL INFORMATION:

ASSOCIATION OF VIETNAMESE PRISONERS - FAMILY

HỘI GIA ĐÌNH NGƯỜI VIỆT NAM CÁI TẠO

VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS DATA (OUT OF CAMP)

Phiên dữ kiện dành cho tù nhân Cải tạo Việt Nam đã được tha.

I. FULL NAME OF INFORMATION PROVIDER: Tên họ (Họ và tên):

LAST FIRST MIDDLE:

TRAN, CHUONG

RECEIVED
Vicard

FEB 12 1985

II. NATURALISATION CERTIFICATE: số căn cước quốc tịch.

Citizenship naturalization #: 11736529

III. PRESENT ADDRESS AND PHONE: địa chỉ hiện tại và số điện thoại.

SNWJOSE, CA

IV. RELATIONSHIP: liên hệ với tù nhân hình tại:

uncle.

V. FULL NAME OF POLITICAL PRISONER: NGUYỄN HỮU TUÂN

VI. DATE AND PLACE OF BIRTH: FEBRUARY 20th 1924 QUẢNG NGÃI PROVINCE

VII. POSITION/TITLE/GRADE BEFORE APRIL 1975:

- From 1-5-1950 To: 31-12-1964 VIETNAMESE NATIONAL GENDARMERY, LAST RANK: 1st LIEUTENANT, SERIAL NUMBER: 210.638.

- From: 1-1-1965 To: 30-4-1975 VIETNAMESE NATIONAL POLICE, LAST RANK:

MAJOR, DEPUTY COMMANDER TO THE POLICE STATION CHÂU ĐỐC PROVINCE

- EX PARTICIPANT OF THE INTERNATIONAL POLICE ACADEMY WASHINGTON D.C.

FROM MAY 1st 1968 TO: 1st OCTOBER 1968; DIRECTOR: M^r MAC GANE.

VIII. LAST POSITION GRADE U.S. GOVERNMENT AGENCY: NONE

IX. MONTH, DATE, YEARS ARRESTED: 24-5-1975

X. MONTH, DATE, YEAR OUT OF CAMP: 18-12-1980

XI. PRESENT MAILING ADDRESS OF EX POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

6 M TÔ HIẾN THÀNH STREET, 10th DISTRICT, HOCHIMINH CITY

.../...

PRISONER IMMEDIATE FAMILY AND MOTHER / FATHER

NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP	REMARKS
NGUYỄN HỮU TÚ	1914	QUANG NGAI PROVINCE	MY FATHER	DEAD
TÀ THỊ QUÂN	1920	PHAN THIẾT PROVINCE	MY MOTHER	DEAD
PHẠM THỊ MIỀN	1925	PHẬT DIỆM	MY WIFE	
NGUYỄN HỮU PHÚC	1953	NHÀ TRẢNG PROVINCE	MY SON	SENTENCED TO DEATH BY THE PRESENT GOVERNMENT.
NGUYỄN HỮU TUẤN	1956	NHÀ TRẢNG	MY SON	
NGUYỄN THỊ NGỌC MỸ	1957	NHÀ TRẢNG	MY DAUGHTER	
NGUYỄN HỮU TIẾN	1958	SAIGON	MY SON	
NGUYỄN THỊ NGỌC VÂN	1959	SAIGON	MY DAUGHTER	
NGUYỄN HỮU THÀNH	1960	SAIGON	MY SON	
NGUYỄN THỊ ĐỎ	1932	PHẬT DIỆM	MY SISTER	
PHẠM NGUYỄN QUỲNH MAI	1980	HO CHI MINH CITY	MY NEPHEW	

XIII.. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION : NONE

BỘ NỘI VỤ
Trại Cải tạo số 5
Số 689/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001/QT-G ban
hành theo công văn số
2568 ngày 21 tháng 11
năm 1972

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966/BCA/TT ngày 21 tháng 5-1961 của Bộ Nội Vụ
Thị ban chấp hành, quyết định thủ số 43 ngày 18 tháng 10 năm 1980
của Bộ Nội Vụ.

Nay cấp giấy thả cho anh chỉ có tên sau đây

Họ tên khai sinh NGUYỄN HỮU TUÂN

Họ tên thường gọi:

Họ tên bí danh:

Sinh ngày tháng năm 1924

Nơi sinh, Nghĩã Điền, Tũ Nghĩã - Quảng Ngãi

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt Cư Xá Hồn Hớp

Tô biẽn Thanh - Quân 10 - Thanh phố Hồ Chí Minh

Cán tội: Chiếu tá Cảnh Sát

Bị bắt ngày 24-5-1975 Án phạt 3 năm TT

Thời hạn quyết định án văn số 3-6 ngày 30 tháng 6 năm 1976 của Bộ Nội Vụ

Đã bị tãng án lần công thành năm tháng

Đã đũc giảm án lần , công thành năm tháng

Nay về cư trú tại 6 M Cư Xá Hồn Hớp, Tô biẽn Thanh Quân 10, TP Hồ Chí Minh

Nhận xét quát zĩn b cải tạo:

Mời đầu vào trại anh TUÂN còn boang mang giao đũng, nhũng oau khi đũc bcc tập
và giáo dũc, dân dân anh TUÂN đã bũy đũc tũ lũ của bũn thũn. Trong lao đũng
có nhiều cố gũng. Nội quy chấp bũn ít sai phạm. Tham gia học tập ỏĩn hũat đũy đũ.

Sĩn tay ngũn tũ phũ
của Nguyễn hũn Tuũn
Dũn bũn số 3298
Lũp tại NV/15

Họ tên bũ Ký
ngũĩ đũc cấp giấy

Kũ đũn

Nguyễn bũn Tuũn

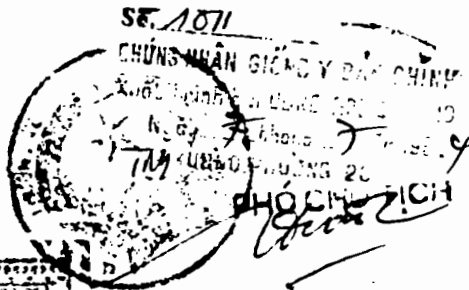
Ngày 18 tháng 12 năm 1980

Q. GIẢM Tũ

Thũĩn tá ĐỒ NẦM ỏũ Ký

Chứng thư
Đường đi đến tỉnh diên
tại CA - P.20. Q.10

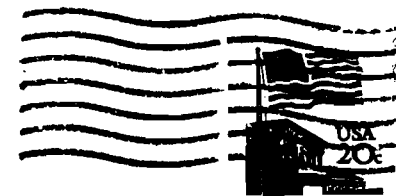
Ngày 26 - 12 - 80
Công An Phường 20
Nguyễn Văn Hùng
Ấn Ký.



Phu Chung Nam

SANJOSE - CA

To: HY VONG
P.O. BOX 21305
SANJOSE CA - 95151





HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : Yes, ☒ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN HỮU TUẤN
Last Middle First
- Current Address 6M TÔ HIẾN THÀNH, P.14, Q.10, HO CHI MINH CITY
Date of Birth FEB-20, 1924 Place of Birth QUANG NGAI, VIETNAM
- Previous Occupation (before 1975) NATIONAL police (MAJOR)
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 5-24-75 To 12-18-80
3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN THI BINH
Name
HOUSTON, TEXAS
Address & Telephone
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.
- | <u>Name, Address & Telephone</u> | <u>Relationship</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| <u>NGUYEN THI BINH</u> | <u>FRIEND</u> |
| <u>HOUSTON, TEXAS</u> | |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171: Yes, ☒ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN HỮU TUẤN
Last Middle First
- Current Address 6M TÔ HIẾN THÀNH, P.14, Q.10, HO CHI MINH CITY
Date of Birth FEB-20, 1924 Place of Birth QUANG NGAI, VIETNAM
- Previous Occupation (before 1975) NATIONAL police (MAJOR)
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 5-24-75 To 12-18-80
3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN THI BINH
Name
HOUSTON, TEXAS
Address & Telephone
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.
- | <u>Name, Address & Telephone</u> | <u>Relationship</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| <u>NGUYEN THI BINH</u> | <u>FRIEND</u> |
| <u>HOUSTON, TEXAS</u> | |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Trại Cải tạo số 5

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

hành theo công văn số

2565 ngày 21 tháng 12

năm 1972

Số 689 CRT

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định thư số 45 ngày 16 tháng 10 năm 1960 của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: Nguyễn Hữu Tuấn

Họ, tên thường gọi:

Họ, tên bị danh:

Sinh ngày tháng năm 1924

Nơi sinh: Nghĩa Dân, U. Nghĩa, Quảng Ngãi

Nơi đăng ký nhận thức thường trú trước khi bị bắt: Bà cư xã Hòa Hợp

Tổ hiện thành, Quận 10 thành phố Hồ Chí Minh

Can tội: Thiếu tá cảnh sát

Bị bắt ngày 24-5-1975 An phạt: 2 năm TT

Theo quyết định án văn số 3-5 ngày 30 tháng 6 năm 1976 của

Bộ Nội vụ

Đã bị tăng án lần, công thành năm tháng

Đã được giảm án lần, công thành năm tháng

Nay về cư trú tại Bà cư xã Hòa Hợp, Tổ hiện thành 4/10 TP. Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo:

Mọi dầu vào trại anh Tuấn còn hoang mang giao động nhưng sau khi được học tập và giáo dục, cảm nhận anh Tuấn đã thấy được tội lỗi của bản thân. Trong lao động có nhiều cố gắng. Mọi quy định đều nghiêm chỉnh. Tham gia học tập sinh hoạt đầy đủ.

Lần tẩy gôn tại trại

Của Nguyễn Hữu Tuấn

Danh bản số 3298

Lập tại BV/15

Họ, tên, chữ ký

người được cấp giấy

Ngày 18 tháng 12 năm 1980

Giám thị

Nguyễn Hữu Tuấn

Thiếu tá. Đỗ Văn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 60/QĐ-UB

(CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự Do Hạnh Phúc

Thành Phố Hồ Chí Minh ngày 24 tháng 1/1981

() QUYẾT - / () LỜI
Về thời hạn quân chế người học tập cải tạo được về
-o-o-

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ luật tổ chức Hội Đồng Nhân dân và Ủy Ban Hành Chánh các cấp ngày 27/10/1962;
- Căn cứ chánh sách 12 điểm của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam ban hành ngày 25/5/1976 đối với những người làm việc trong Quân đội, chánh quyền và các tổ chức chánh trị của chế độ cũ
- Căn cứ quyết định của Bộ Nội Vụ số 40-45/BNV-QĐ ngày 10/10/1980 về việc tha người học tập cải tạo tập Trung;
- Theo đề nghị của đ/c Trưởng Ban quản lý người học tập cải tạo được về của thành Phố;

() QUYẾT - / () LỜI

Điều 1: Nay qui định thời hạn quân chế cho 77 người học tập cải tạo tập trung về có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2: Giao Ủy Ban Nhân dân Quận, Huyện và Phường, xã nơi đương sự cư trú đón tiếp và chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật quân chế hiện hành trong thời hạn quân chế và xét phục hồi quyền công dân cho đương sự khi hết thời hạn quân chế.

Điều 3: Các đ/c Chánh Văn Phòng Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố, Giám Đốc Sở Công An, Trưởng Ban quản lý người học tập cải tạo được về của thành Phố, Ủy Ban Nhân Dân các Quận, Huyện có trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

đã ký: LÊ QUANG CHÁNH

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10 /SAO LỤC/ 7/ ngày 31 tháng 3 năm 1981

Số: 18 / SL-UB

VP. ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

CHÁNH VĂN PHÒNG

đã ký tên đóng dấu: ĐỖ ĐĂNG ĐĂNG

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 2 tháng 4 năm 1981

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 20



Chánh

Chi - Chánh

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI HỌC TẬP CẢI TẠO ĐƯỢC THẢ THEO QUYẾT
ĐỊNH SỐ 40 - BNV/CĐ NGÀY 10/10/1980

QUÂN 10

30/- NGUYỄN HỮU TUÂN: Sinh năm 1924. Trú tại 64 cư xá hỗn hợp.
Thiếu tá thanh tra. Lao phổi ho ra máu, sức yếu. Quan chế 12 tháng.

**MIGRATION AND REFUGEE SERVICES**ODP-IV No. _____
(If known)1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D. C. 20005
(202) 659-6646/6647**ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIETNAM)**

Data filed: _____

Diocese of: _____

Your Name: Mr/Mrs/Miss _____

Phone: (Home) _____

(Family name) (Middle name) (First)

(Work) _____

Your Address: _____

(Number)

(Street)

(City/County)

(State)

(Zip)

Date of Birth: _____

Place of Birth: _____

Date of Entry to U.S. _____

From (country or camp): _____

My Alien Registration Number is _____

My Naturalization Certificate No. is _____

Legal Status: _____

Parolee _____

Permanent Resident Alien _____

U.S. Citizen _____

THE FOLLOWING ARE PERSONS IN VIETNAM KNOWN TO ME AND WHO MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S.
AS FORMER U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE OR CLOSE ASSOCIATE TO THE U.S. OR ASIAN-AMERICANS:

Name of Principal Emigrant	Date/Place of Birth	Relation (if any)	Address in Vietnam
NGUYEN-HUU-TUAN	FEB 20, 1924		
	QUANG-NGAI	NEPHEW	6-M TU HIEU THANH ST
	VIET-NAM		PHU, Q-10, HO CHI MINH CITY

Number of close relatives accompanying Principal Emigrant: 02 (Full List on back)

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:**DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of Emigrant)**

U.S. Government Agency _____

Last Title/Grade _____

Name/Position of Supervisor _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation _____

Last Title/Grade: _____

Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):Ministry or Military Unit NATIONAL POLICE Last Title/Grade MAJORName/Position of Supervisor Lieutenant Colonel DANG NGOC BICHWas time spent in re-education camp? Yes ☒ No _____ How long? 5 years, 7 months**FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP and 1 year of forced residence**School International Police Academy Location M Street, Washington D.C.Type of degree or certificate GENERAL COURSEDates of Employment or Training JUN 1, 1968 to OCT 10, 1968
(month/year) (month/year)

ASIAN-AMERICANS: Single _____ Married _____ Male _____ Female _____

Full name of the mother: _____

Her age: _____

Address: _____

Full name of the U.S. Citizen Father (if known): _____

His current address: _____

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Signature: _____

Date: _____

SUBSCRIBED AND SWORN BEFORE ME THIS _____

(Date)

Signature of Notary Public _____

County of: _____

USCC FORM B (revised 12/83)

My commission expires: _____

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN-HUU-THAN
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
JULIA PHAM THI MIEN	JUN 24, 1926	WIFE
MARIA THERESE Nguyen thi ngoc My	JUN 10, 1956	divorced daughter
NGUYEN HUU TIEN	JAN 22, 1958	SON
Maria Therese Nguyen thi ngoc Van	JAN 23, 1960	daughter
Pham Nguyen Quynh Mai	AUG 11, 1980	niece
Huynh minh Kha	MAR 26, 1987	nephew

ADDITIONAL INFORMATION:

Letter of more description of past association enclosed.

INCLUDED ARE:

1. - A LIFE INSURANCE SHEET ISSUED IN 1968 BY THE U.S. STATE DEPARTMENT.
2. - A PHOTO TAKEN IN 1968 WITH M2 MAC CANE DIRECTOR OF INTERNATIONAL POLICE ACADEMY WHEN HE'S GIVING ME A TABLE TENNIS TOURNAMENT CUP AFTER THE GRADUATION CEREMONY.
3. - RELEASE CERTIFICATE
4. - FORCED RESIDENCE DECISION
5. - CATHOLIC FAMILY CERTIFICATE



THIS IS TO CERTIFY THAT

Nguyen Huu TUAN

Name: _____

Country: VIET NAM

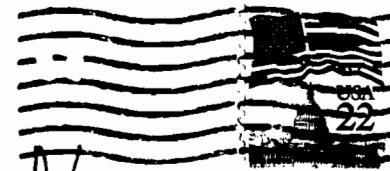
IS VISITING THE UNITED STATES AS A PARTICIPANT
IN A STUDY AND TRAINING PROGRAM. THE U. S.
GOVERNMENT WILL APPRECIATE COURTESIES EX-
TENDED TO THIS PARTICIPANT.



Tuan
SIGNATURE - PARTICIPANT

DEPARTMENT OF STATE
AGENCY FOR
INTERNATIONAL DEVELOPMENT

Fam Chuong Tran



To: Hoi GIADINH TUNHAN C. V. IV.
P.O. BOX 5435 ARLINGTON.
VA 22205. 0635

FR NAWAYN Titi Bink



MAY 22 1990

To

P.O. Box. 5435 ARLINGTON
V.A 22205-0635